

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE



ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán-Sứ phố Richaud, Hanoi

慧 燄 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUOC
Chánh hội trưởng
hội Phật-Giáo

Quản lý
CUNG-DINH-BINH

Chánh chủ bút
PHAN-TRUNG-THU
Sư cụ chùa Báo-Sở

Phó chủ bút
DUONG-VAN-HIEN
Sư cụ chùa Tổ-Cát



GIÁ BÁO :

CẢ NĂM : 1 \$ 00 — NỬA NĂM : 0 \$ 50 — MỖI SỐ : 0 \$ 03

Ngày mồng bốn tháng giêng cụ chánh hội trưởng hội Phật-giáo nhận được bức thư của ngự-tiền văn-phòng trong nói nhân Hoàng-tử mới đản-sinh, vâng ý-chỉ đức Khôn-nghi xương-minh Thái-hoàng Thái-hậu gửi ra bốn đôi hoàng-lạp long-đăng và sáu cân chằm cho hội Phật-giáo Bắc-kỳ phân phát các chùa cúng Phật, đã sao lục bức thư ấy gửi đi các chùa và phân phát nên chằm để các chùa cúng Phật và tụng kinh cầu cho Hoàng-tử được mọi phúc lành.

KÍNH TRÌNH CÁC GIÁO-HỮU HỘI-VIÊN HỘI PHẬT-GIÁO

Báo «Đức Tuệ» của hội ta ấn-hành là cốt điển dịch những kinh sách nhà Phật để cho hội-viên trong hội cùng hiểu thấu giáo-lý mà tu-hành. Báo ra mỗi năm 52 quyển, nội chỉ lấy vừa đủ tiền in có một đồng bạc; ai cũng nên và cũng có thể mua xem được cả. Nay đã ra đến quyển thứ 7. Nếu các ngài nhận được mà không gửi giả lại thì chúng tôi cứ ghi lên vào sổ mua báo rồi trong một vài tháng các ngài sẽ gửi tiền ở ông chánh đại-biểu địa-phương ngài giả cho. Hoặc 6 quyển gửi trước có quyển nào thất lạc mà các ngài không nhận được thì xin viết thư nói cho biết, chúng tôi sẽ xin gửi lại hầu các ngài ngay.

Kính trình các vị chánh đại-biểu đại-lý hội Phật-giáo ở các địa-phương

Chúng tôi xin gửi ngài một quyển biên-lai nhận tiền báo để ai gửi trả tiền báo thì ngài biên-lai thu giùm cho. Trong số hội-viên ở địa-phương ngài ai chưa mua thì xin ngài giả công khuyến hóa giúp, rất cảm ơn ngài.

Đức Quán-thế-âm Bồ-tát

觀世音菩薩

THẸO như trong kinh Bi-hoa 悲華 đã nói về nhân-quả thành đạo của đức A-di-đà thì Bồ-tát Quán-thế-âm kiếp xưa là Thái-tử Bất-tuần, con trưởng Vô-chánh-niệm Chuyển-luân-vương. Khi Chuyển-luân-vương thành đạo và phát-nguyện được đức Phật Bảo tạng Như-lai thụ-ký cho Ngài thành Phật là Phật Vô-lượng-thọ, tiếng Phạm gọi là A-di-đà, thì Bất-tuần Thái-tử cũng phát lời nguyện đại-bi, nghĩa là thương xót hết thảy mọi loài chúng-sinh bị khổ-não. Vì vậy Phật bảo-tạng Như-lai cũng thụ ký, cho Bất-tuần Thái-tử thành Bồ-tát hiệu là Quán-tế-âm.

Đức Bảo-tạng Như-lai thụ ký cho ngài rằng: « Người muốn quan-niệm cho hết thảy chúng-sinh lòng đại-từ-bi, cho được cùng về cõi an-lạc. Vậy từ nay đặt tên cho là Quán-thế-âm. Sau khi Vô-lượng-thọ Phật vào nát-bản rồi, cõi đất của Vô-lượng-thọ Phật ấy đổi tên là « Nhất-thiết-trần-bảo sở thành-tựu thế-giới — 一切珍寶所成就世界 Thế-giới do hết thảy các thứ trần-bảo tạo thành ra ». Và bấy giờ người thành Phật hiệu là « Biến xuất nhất thiết quang-minh công đức-vương Như-lai 遍出一切光明功德王如來. Đức Như-lai Vua công-đức, chiếu quang-minh ra hết thảy. »

Vậy thì Bồ-tát quán-thế-âm tức là một vị Phật hậu bổ cho đức Phật A-di-đà sau này. Nhưng hiện-tại đây thì ngài cùng đức Đại-thế-chí Bồ-tát, kiếp xưa là em Ngài, con thứ Chuyển-luân-vương, cũng cùng Ngài đồng thời được Phật thụ-ký cho làm vị Bồ-tát cùng giúp việc giáo-hóa độ sinh cho đức A-di-đà. Đức A-di-đà đã ngồi giữa thì Bồ-tát Quán-thế-âm chầu bên tả mà Bồ-tát Đại-thế-chí thì chầu bên hữu. Cho nên cũng gọi là hai vị « hiệp-sĩ » 脇士, hai vị đại-sĩ chầu sát hai cạnh sườn ».

Chữ « Quán-thế-âm » là hiệu ngài, theo trong kinh Pháp-hoa đã giải thì càng rõ hơn. Trong kinh Pháp

hoa nói : « Khổ não chúng-sinh, nhất tâm xưng danh Bồ-tát tức thời quán kỳ âm thanh, giai đắc giải thoát, dĩ thị danh Quán-thế-âm 苦惱衆生一心稱名, 菩薩卽辰觀其音聲, 皆得解脫, 以是名觀世音. Phạm những chúng-sinh bị khổ não mà nhất tâm tin cậy đọc đến tên Bồ-tát, thì Bồ-tát tức thì xem xét đến tiếng cầu cứu của họ mà độ cho họ đều được giải thoát ngay, vì thế gọi tên Ngài là Quán-thế-âm nghĩa là xem xét tiếng kêu của người đời ». Còn hiệu Quán-âm tức là một hiệu gọi tắt. Ngài lại còn có hiệu là Quán-thế-tự-tại 觀世自在 ». Nghĩa là ngài xem xét khắp trong thế-giới mà tự-do hiện-tại khắp mọi nơi để trừ sự khổ ban sự vui cho chúng-sinh. Vì đức Quán-thế-âm đủ phép thần-thông mẫu nhiệm biến hiện vô cùng để trừ sự khổ, ban sự vui cho hết thầy chúng sinh khắp mọi nơi, nên kinh có nơi nói « Sáu vị Quán-âm » có nơi nói « bảy vị Quán-âm » cho đến « Ba mươi ba vị Quán-âm », nhưng thường thì chỉ kêu có một hiệu Quán-âm, vị Quán-âm này tức là vị Thánh-Quán-âm trong bảy vị Quán-âm, và là tổng-thể của cả các vị Quán-âm khác.

Bồ-tát lại còn một hiệu nữa là « Quán-âm Vô-úy 觀音無畏 » Vì ngài thường hành phép vô-úy thí để cứu khổ cứu nạn cho chúng-sinh. Về phẩm Pháp-môn trong kinh Pháp-hoa nói rằng : « Vị Quán-âm đại bồ-tát thường bố-thí phép vô úy để cứu chúng-sinh trong cơn cấp-nạn sợ-hãi, vì thế cho nên ở cõi sa-bà thế giới này đều gọi ngài là đấng « thi-vô-úy ».

Bồ-tát quán-thế-âm vì thương hại chúng-sinh mà hết lòng cứu khổ, cho được gần gũi chúng-sinh cõi sa-bà, trong kinh nói Ngài thường trụ ở miền Nam để tiện nghe tiếng kêu cầu mà tới cứu. Cho nên ngài lại có tôn hiệu là : Nam-hải Viên-thông Giáo-chủ, Đại-tử Đại-bi, Tâm-thanh cứu khổ, Linh cảm Quán-thế âm Bồ-tát 南海圓通教主, 大慈大悲, 尋聲救苦靈感觀世音菩薩. Đức Bồ-tát Quán-thế-âm, là Giáo-chủ đạo Viên-thông Đại-tử Đại-bi, ở miền Nam-hải, hằng lắng nghe những tiếng kêu cầu của chúng-sinh để mà cứu cho khỏi khổ, phép Ngài cảm ứng rất là thiêng liêng ». Vì Ngài có sức uy thần thiêng-liêng mẫu-nhiệm, cứu độ chúng-sinh, không đâu ngài không trông thấy, không việc gì Ngài không làm được, nên Ngài

có tướng nhìn mắt nhìn tay, thân cao tám mươi vạn ức na-do-đa-do-tuần.

Ngài vốn không phải là nữ-tướng, vì Ngài hằng cứu khổ cho chúng-sinh, đàn bà con gái tín-ngưỡng về Ngài nhiều, kêu cầu đến Ngài luôn, nên chúng-sinh tưởng-tượng ra Ngài có nữ-tướng, để tiện hóa độ cho phụ nữ. Nhân gọi Ngài là đức Phật bà Quan-âm.

Chùa Hương-tích nước ta thờ Ngài, kinh Quan-âm nói có câu :

*« Rằng trong cõi nước Nam ta,
Bề Nam có đức Phật bà Quan-âm. »*

Tương truyền đó là đời hóa-thân của Ngài ra đời cứu-thế. Ngài không chỉ cứu khổ mà còn độ sinh, kinh A-di-đà nói đức A-di-đà cùng các thánh chúng tiếp-dẫn thân sau kẻ có thiện-căn về phương Cực-lạc. Thánh-chúng là Ngài với Đức Đại-thế-chí. Ngài phát nguyện nhiều điều để tế độ cho khắp chúng-sinh chép trong kinh Phá-môn-phàm, nay tóm lược đại ý như sau này :

Nếu những kẻ hoặc bị ngã vào lò lửa, hoặc bị trôi dưới sóng cả, hoặc bị xa xuống khe núi, hoặc bị đuổi ngã vào đá, hoặc bị giặc cướp sắp giết hại, hoặc bị lâm hình, tù tội gông cùm, hoặc bị nguyên rủa và thuốc độc, hoặc bị ma-tà quỷ-quái làm hại, hoặc bị thú dữ cắn độc, hoặc bị sấm sét, mưa đá, mưa to cùng là bị kiện cáo, bị lâm vào chiến-trận sợ hãi, mà nếu những kẻ ấy nhất tâm niệm đến danh hiệu đức Quan-âm thì bao nhiêu những cái tai-nạn khổ-não ấy đều tức thì tiêu-tán hết.

Coi đó biết công đức Quan-âm đối với chúng-sinh to-tát biết là dường nào.

Đ. N. T.

ĐỨC ĐẠI-THẾ-CHÍ BỒ-TÁT

大勢至菩薩

Theo thuyết nhân-quả kiếp xưa, Bồ-tát Đại-thế-chí tên là Ni-ma, vương-tử thứ hai của Chuyển-luân-vương. Khi vua cha là Chuyển-luân-vương phát nguyện được thụ-ký thành Phật A-di-đà, và anh cả là Bất-tuần Thái-tử phát-nguyện

được thụ-ký thành Quan-thế-âm Bồ-tát, thì đồng thời Ngài cũng phát-nguyện có một thế lực lớn để độ chúng-sinh, nên cũng được đức Bảo-tạng Như-lai thụ ký cho rằng : « Nay người sở-nguyện, có một cõi thế-giới lớn, theo người sở-nguyện được như thế mới thành Phật, thì đến bấy giờ người được thành Phật đó và hiệu là « Trụ-trần-bảo-son-vương Như-lai 住珍寶山王如來. Đức Như-lai là vua trụ trên núi trân bảo ». Nay Người nguyện được cõi đại thế-giới nên đặt tên cho là Đại-thế-chí »

Bởi vậy Đại-thế-chí Bồ-tát với Quán-thế-âm Bồ-tát cùng sang cõi Cực-lạc làm hai vị hiệp-sĩ châu trực và giúp rập việc giáo-hóa cho đức A-di-đà. Ngài thì chủ bèn hữu mà Quán-thế-âm thì chủ bèn tả đức A-di-đà.

Kính Quan-vô-lượng-thọ 觀無量壽 tán công đức Ngài nói rằng : Ngài đem ánh sáng tri-tuệ soi khắp hết thầy, khiến cho chúng sinh đều thoát khỏi ba nơi ác-đạo mà được có sức mạnh vô-thượng, vì thế nên gọi là Đại-thế-chí 大勢至 thế lực rất mạnh ». Nhân đó mà có chỗ kêu ngài là *Đại-thế*, là *Thế-chí*, đều là hiệu gọi tắt cả.

Không những đem ánh sáng tri-tuệ khai-hóa cho chúng-sinh, Ngài lại luôn luôn cùng Bồ-tát Quán-thế-âm đi hầu theo đức A-di-đà dễ tiếp dẫn những linh-hồn có phúc-thiện, sau lúc mạng-chung, về phương Cực-lạc. Thế cho nên bài Tán-định Tây-phương nguyện-văn của cụ Tổ Vân-thê có nói : « Đức Phật A-di-đà với đức Quán-âm, đức Thế-chí cùng các đấng Thánh Hiền, phóng ánh hào-quang ra mà tiếp dẫn, giắt tay đỡ-huê, chỉ trong một cái búng tay là được sinh về cõi Cực-lạc. » Cõi đó thì biết công đức Đức-Đại-thế-chí đối với chúng-sinh cũng thực mạnh-mẽ lớn-lao vô-cùng như công-đức đức Quán-âm Bồ-tát.

Đ. N. T.

CỦA ÍT LÒNG NHIỀU

Hết thấy việc ở đời không có sự gì là khó làm cả, chỉ cốt ở lòng chí thành sốt sắng và kiên-nhẫn của người làm đó thôi ; nếu việc dễ dàng đến đâu mà cứ nói rồi bỏ đó, như cách đánh trống bỏ dùi, dúi cơm vẽ bánh, thì dầu trăm

đời nghìn kiếp cũng không bao giờ thành được, hoặc làm mà không có lòng chí thành, thì dù thừa thế-lực, dư của cải của chắc đã làm được công-dức như người thường có lòng chí-thành.

Trong kinh A-xà-thế-vương thụ-quyết có chép rằng: lúc đức Thích-ca, ở trong núi Kỳ-xà-bốt, vua A-xà-thế thỉnh Phật vào cung cúng trai (com: chay) rồi, đến lúc Phật về, vua hỏi quan đại-thần là ông Kỳ-Bà rằng: « Hôm nay trăm đã thỉnh Phật cúng com rồi, vậy bây giờ nên đem gì cúng Phật được ?

— Muôn tâu Bệ-hạ, chỉ có đốt nhiều đèn cúng Phật là quý hơn cả.

Vua nghe lời liền sai đốt rất nhiều đèn cúng Phật, đèn dăng khắp từ cung vua cho đến nhà Tinh-xá ở Kỳ-hoàn là nơi Phật ở. Bấy giờ có một bà già vẫn có lòng muốn cúng dâng Phật, song hiền vì một nỗi tuổi già sức yếu, không nơi nương tựa, ngày ngày đi xin ăn, thường thường được bữa sáng mất bữa trưa, thấy vua làm việc công đức ấy, lại làm cho lòng bà thồn-thức trăm chiều. Hôm ấy bà đi xin suốt ngày chỉ được có hai đồng tiền, đến thẳng ngay nhà hàng dầu mua dầu để cũng thắp đèn cúng Phật. Người hàng dầu hỏi: « Sao cụ già yếu nghèo khổ thế mà đi xin được tiền không mua gì ăn lại mua dầu làm gì ?

Bà già lời: « Tôi vẫn thường được nghe rằng: người ta sinh ra đời gặp được thời Phật khó lắm, dầu trăm nghìn muôn kiếp cũng khó mà gặp được, nay may mà tôi được gặp Phật, thì thật là vạn phúc cho tôi, song tôi nghĩ đến thân tôi thật là nửa mừng nửa tủi, không có của gì dâng cúng Phật, ngày nay lại thấy vua làm việc công-dức lớn-lao như thế, lòng tôi lại càng cảm-xúc vô-cùng, vậy tuy tôi nghèo thật nhưng tôi cũng cố sắp lấy một ngọn đèn cúng Phật ».

Người hàng dầu nghe xong, trong lòng vui mừng-khen ngợi bà cụ có lòng chí-thành, đáng lẽ hai đồng tiền chỉ được hai gáo dầu, mà lại cho thêm ba gáo nữa là năm. Bà được dầu vôi-vàng đem ngay đến trước Phật để đốt cúng Phật. Chính số dầu đó đốt không đủ nửa đêm. Thế mà khi bà đốt

rồi, bà qui xuống trước Phật lễ rồi phát thệ-nguyện rằng :
« Nếu đời sau con được thành đạo như Phật, thì xin ngọn
đèn này sáng tỏ suốt đêm không tắt ». Bà làm lễ rồi đi.

Bao nhiêu đèn của vua tuy có nhiều người trông coi săn-
sóc luôn luôn, mà ngọn thì còn, ngọn thì tắt, không được
hoàn-toàn, và cũng kuông ngọn nào sáng tỏ như ngọn đèn
của bà già, lạ nhất là ngọn đèn của bà cũng đến sáng ngày
mà dầu vẫn còn nguyên không hết. Bà lại vào lễ Phật rồi
chấp tay đứng ở một bên.

Bấy giờ Phật bảo ông Mục-liên : « Giời đã sáng rồi, chiết
hết các đèn đi », ông Mục-liên vâng lời đi chiết lần lượt hết
các đèn, duy có một ngọn của bà già chiết hai ba lần cũng
không tắt, càng quạt lại càng sáng ; sau ông vịn hết sức thần-
thông làm ra gió rất mạnh thổi cũng không tắt ; càng thổi
thì ngọn lửa lại càng sáng tỏ, rực-rỡ khắp ba nghìn thế-giới.

Bấy giờ Phật để cho đại-chúng ai ai cũng mục kích thế
rồi bảo ông Mục-liên rằng : « Thời đi ! thời đi ! đây là công
đức sáng tỏ của vị Phật đời sau, không phải uy thần của
người diệt tắt được đâu, bà già này đời trước đã từng cúng
đàng lễ bái một trăm tám mươi ức Phật rồi, từ đức Phật
trước nhất thụ ký cho chỉ chuyên đem kinh pháp giáo-hóa
chúng-sinh thời, chưa làm được hạnh bố-thí, nên nay mới
phải nghèo cùng khổ-sở như thế đó, sau đây ba mươi kiếp
nữa, khi tu hành công đức đã đầy đủ rồi, được thành Phật
hiệu là Tu-di-đăng-quang như-lai ở trong thế-giới chí-chân.
Ở trong thế-giới đó không cần có mặt giời mặt giếng chi cả,
và nhận-dân trong xứ ấy ai ai cũng đều có hào-quang ở
trong mình cả rồi, hết thấy cung điện lầu các đều là thất
bảo cả, hào-quang rực rỡ như ở cung giời Đâu-suất. Bà già
được nghe thấy thế, trong lòng mừng rỡ hơn hở, liền lễ tạ
rồi đi.

Vua nghe thấy việc ấy bèn hỏi ông Kỳ-bà rằng : « Tại sao
trăm làm công đức to tát như thế không thấy Phật thụ ký
cho, mà bà già kia cũng có một ngọn đèn, Phật lại thụ ký
cho thành phật là nghĩa gì ?

Ông Kỳ-bà tâu : — tuy như thế song lòng vua làm không
chuyên nhất, nên không bằng bà già kia.

Vua lại thỉnh Phật về cung để cúng dâng. Vua liền hạ lệnh cho các viên coi vườn phải đem vào dâng, sáng hôm sau Phật từ Tinh-xá ra đi, đến các chỗ đông người, Phật lại thuyết pháp cho nghe, mãi đến Ngọ mới vào tới cung vua. Lúc đó có một viên đem hoa ở trong ngô vườn hoa ra, may sao lại gặp ngay Phật, được nghe Phật thuyết pháp, trong lòng vui mừng, đem ngay hoa cúng Phật, Phật bèn thụ ký cho rằng: « Người đã cúng dâng chín mươi ức Phật, sau đây một trăm bốn mươi kiếp nữa thì người sẽ được thành Phật hiệu là Giác hoa như-lai. » Viên đó mừng vô cùng, làm lễ rồi lui ra, bụng bảo dạ: vua ta tính rất nghiêm-khắc, hôm qua sai ta trai giới cẩn-thận để đi lấy hoa hôm nay dâng cúng Phật, mà nay ta tự-tiện đem cúng hết cả rồi, bây giờ về tay không thì không biết cái đầu này có còn được để liền với cổ này không? thối chết cũng đành, ta sẽ về qua nhà kiếm gì ăn đã. Về đến nhà vắt cái nạng không được miếng gì vào mồm cả, mà hôm nay thế nào cũng bị chết với vua đây, vậy có gì ăn mau mau cho ta ăn rồi có chết cũng đành. »

Vợ nghe lấy làm ngạc-nhiên, rùng mình sợ hãi, hoảng hốt hỏi rằng: « làm sao! làm sao! tại sao mà bị vua giết? » Chồng thuật chuyện đầu đuôi tại cho vợ nghe, vợ vội-vàng xuống bếp lấy cơm cho chồng ăn, vừa bước chân ra cửa trông thấy nạng đầy những hoa sắc hương cực kỳ tươi tốt, khác hẳn các thứ hoa ở cõi phàm, liền gọi chồng ra xem. Khi chồng ra trông thấy trong lòng mừng rỡ không xiết, bỏ cả cơm không ăn nữa, đem ngay hoa đó vào dâng vua. Vừa vào đến nơi thì gặp vua đương lễ Phật nghe Phật thuyết pháp, vua trông ra thấy viên đó đem hoa vào vội hỏi rằng: « Ở trong vườn trăm có những hoa quý báu này mà sao người không đưa vào sớm, tội người đáng chết, người có biết không? » Viên đó tâu « muốn tâu bệ-hạ, ở trong vườn hoa nhà vua không làm gì có thứ hoa này. Các thứ hoa ở trong vườn, sáng ngày tôi gặp Phật đã dâng Phật, Phật đã thụ ký cho rồi, và tôi biết cái thân tôi đây không thể nào tránh khỏi sự chết, nên về nhà định kiếm miếng ăn, rồi đến đây chịu tội, song may sao lòng giới thương xót

lại đem các thứ hoa ở thiên-cung bỏ cho đầy nấng. Vậy hoa này chính là hoa ở thiên-cung chứ không phải là hoa ở trong vườn. Tôi nay mang cái thân hèn-hạ này, bị vua quan căm-thùc, không được tự-do hành đạo, nay nhờ ơn Phật thụ ký cho rồi, nếu chết tất được sinh lên thiên-cung hoặc ở trước mười phương chư Phật, lúc đó tha hồ tu hành học đạo, chẳng còn ai ngăn trở chi được nữa. Vậy bây giờ dù vua có giết ngay tôi cũng không lấy làm sợ nữa. Xin tùy ý vua.» Vua nghe dứt lời rùng mình sợ hãi thẹn hồ, liền làm lễ sám hối ngay trước Phật. Lúc cúng cơm ngô, Phật thụ trai xong chú-nguyện rồi lại về Tinh-xá. Khi tiễn chân Phật về rồi trở lại, vua hỏi ông Kỳ-bà rằng : làm sao hôm trước trăm nghìn Phật thì bà già được thụ ký, hôm nay trăm làm phúc thì người giữ vườn được chứng quả, còn trăm từ trước chỉ sau chớ chẳng được gì cả là tại sao thế nhỉ? — Vậy bây giờ ta nên làm công đức gì? Ông Kỳ-bà tâu : Vua tuy hằng ngày làm phúc thật, song của đó chẳng qua là của mồ hôi nước mắt và máu mủ của dân, chất thành kho tàng để vua chi dùng, và làm việc gì cũng lấy sức dân, bắt dân phải làm, có khi lòng vua lại kiêu kỳ, hoặc cầu dân, nhân-dân bị khổ nhục là khác nữa. Vì thế nên vua chưa được thụ ký thành Phật, nay nếu vua muốn làm việc phúc đức, vua nên khoan thứ cho dân và bớt những sự cung cấp vào mình, đem bỏ những châu báu trong mình ra cúng Phật, mà vua và phu-nhân Thái-tử hợp sức cùng làm, không mượn sức ai cả, nhất tâm chí thành cúng Phật, tất nhiên Phật thấu lòng thành đó cho rồi thế nào vua cũng được thụ ký thành Phật.

Từ đấy vua dốc một lòng trai giới không hề dùng qua các thứ thịt cá hành tội chi nữa, ngày đêm lúc nào cũng nghĩ đến cách làm cho dân được an-cư lạc-nghiệp, và tự tay vua cùng phu-nhân Thái-tử đem các của báu trong mình ra kết một cái hoa bằng thất-bảo, ròng rã ba tháng mới xong, vừa định sắp xe già để đi đem cúng Phật, thì điều đầu sét đánh bên tai, có một người vào báo Phật đã đến xứ Cru-ri-na-kiệt và đã vào Nát-bàn (tịch) rồi. Vua nghe thấy thế trong lòng buồn rầu than khóc, nước mắt tầm tã như mưa, nức-nở mãi sau mới nói rằng : « Tôi dốc

lòng thành tự tay cổ làm hoa này để dâng kính Phật, tuy Phật vào Nát-bàn rồi, song tôi cố đưa đến núi Kỳ-xà để dâng cúng chỗ Phật ngồi, cho hả lòng tôi ».

Ông Kỳ-bà tâu : « Phật ấy chính là không có thân, cũng không có Nát-bàn, cũng không thường trụ ở đâu, không diệt, chỉ cốt ở người nào có lòng chí thành là được thấy Phật. Nếu Phật hiện lên ở thế-gian ma những người không có lòng chí thành thì không trong bao giờ được thấy Phật. Nay vua đã có lòng chí thành như thế, xin vua cứ đến chỗ Phật tịch tất nhiên thế nào cũng thấy Phật. » Khi vua vào đến núi Kỳ-xà hồi, quả-nhiên trông thấy Phật ngay, liền đến lễ ngay trước Phật, đem hoa bảy báu cúng Phật, Phật bèn thụ ký cho rằng : « Sau đây tám vạn kiếp nữa vua sẽ thành Phật hiệu là Tịnh-kỳ-sở-bộ như-lai. ở cõi nước gọi là Hoa-vương. nhân-dân trong nước đó đều thọ được bốn mươi tiểu kiếp. Bảy giờ Thái-tử vua A-xà-thế mới lên 8 tuổi, nghe thấy phụ-vương được Phật thụ ký cho, rất lấy làm vui mừng, bèn cỡi các đồ anh-lạc trong mình đem dâng Phật rồi lễ Phật, phát nguyện rằng : « Khi cha con được thành Phật thì con xin làm vua chuyển-luân thành-vương để được cúng-dâng Phật. Khi đức Phật ấy vào nát-bàn thì con xin nối ngôi, thành Phật để giáo-hóa chúng-sinh. » Phật nói : « người cứ gia công gắng sức hành đạo rồi sau người sẽ được như nguyện không sai. »

Sa-môn TRÍ-HẢI

TÔN-CHỈ ĐẠO PHẬT

(Tiếp theo kỳ trước)

Người ta sinh ra, ai ai cũng có lòng dục, dục là muốn, muốn có những cái gì chưa có, muốn được những cái gì chưa được, muốn làm những cái gì nên làm, muốn biết những cái gì nên biết. Kỳ-thủy lòng dục chỉ là những nguyện vọng đối với những sự nhu dụng, như đói muốn ăn, khát muốn uống, rét muốn ấm, nực muốn mát, cầu cho đầy đủ những sự cần dùng về phần vật chất ; muốn chánh

sự lo sợ để tìm nơi yên ổn, muốn khỏi sự nhọc mệt để kiếm chỗ nghỉ ngơi, muốn bỏ sự tạm bợ, tính việc lâu dài, muốn xa nơi rung động để chọn chỗ ở yên ổn, cầu được những cách há hê mà yên ủi về phần tâm trí. Đó là theo lý tự-nhiên và lệ đương nhiên, có loài người tất có nguyện vọng, những nguyện vọng ấy đã không trái với lẽ thường, mà lại hợp với đạo thường vậy.

Trình độ của loài người càng ngày càng tiến lên thì nguyện vọng của loài người càng ngày càng thêm nhiều. Từ lúc sào cơ huyết xử, như mao âm huyết, đến lúc có nhà cửa mà ở, có quần áo mà mặc, có ngũ cốc và đồ hỏa-thực mà ăn, từ lúc kết thăng (1) vi trí, hoạch địa (2) vi ngục, đến lúc có văn-tự, có giáo-hóa, có pháp luật, có lễ tục, có đoàn-thể tổ-chức, có chính-trị kỷ-cương của các dân-tộc, nguyện vọng vì loài người mà mở rộng ra mãi, loài người cũng vì nguyện vọng mà tinh khôn thêm lên. Nghĩa là loài người đã mang cái sống, bước ra cõi đời, sinh tụ ca khắp ở cõi đời, thì phạm cái gì cần cho sự sống, thỏa cho sự sống, há cho sự sống, gìn giữ cho sự sống, bình vực cho sự sống, đại khái như cười khóc mừng giận, là quyền tự do của loài người, đi, đứng, làm, nghỉ, lưu, tở, lấy hay bỏ, chịu hay chống, là quyền tự chủ của loài người, mỗi người có một cái sống, là mỗi người có cái nguyện vọng vừa-vặn hợp với cái sống ấy, ta có thể nói rằng có sống mới có nguyện vọng, mà có nguyện vọng mới có sống vậy.

Song nguyện vọng ởi đâu, bởi lòng người mà sinh ra, lúc đầu như nước suối trong trẻo sạch sẽ, đến khi ở trên nguồn chảy xuống, cuốn lẫn cát sỏi bùn đất, đem theo vào trong ngọn tràn-lưu, thành ra nước đục ngầu ngầu, không những thế, ngành nọ ngành kia, lạch này vũng khác, chia rẽ ra nhiều đường lấm ngả, mệnh-mông man-mác, không biết đâu là cùng, dần-dựa chừa-chan, không biết bao giờ

(1) Kết thăng là thắt nút giây, đời xưa thật thà, có ước hẹn với nhau điều gì thì thắt nút giây để cho nhớ khỏi quên.

(2) Hoạch địa làm ngục là vạch đất làm hình cái nhà ngục để giam người có tội.

hết, đến lúc gió táp, lại sôi nổi sạo sọc như cau có, như hờn giận, như găm thét, mất hết cả cái hồn-thê trững-tĩnh tự-nhiên.

Nay ta thử đọc những câu hát cổ, như câu :

« Nước trên nguồn, nước trong như lọc ; »

« Nước ra nguồn, nước đục ngầu ngầu. »

Lại như câu :

« Băng băng như nước thẳng dòng ; »

« Lờ lờ như nước chảy vòng chảy quanh. »

Đủ biết người xưa ngậm phùng, đã từng mượn dòng nước mà ngụ bao nhiêu ý nghĩa sâu xa.

Nguyện vọng của loài người đã bởi lòng dục sinh ra, khi lòng dục đã theo sự tiến hóa của loài người, càng ngày càng hành trưởng thì lênh-lãng không bờ không bến, biết đâu là cùng. Ta hãy lấy nghĩa chữ dục mà cắt, một bên là chữ cốc 谷, cốc là hang, một bên là chữ khiếm 欠, khiếm là thiếu, hợp hai chữ làm thành chữ dục 欲, vậy dục là cái hang không đáy, bao giờ cũng thiếu cũng voi, đồ bao nhiêu vào cũng không đầy và khó lòng lấp lại được, cổ-nhân có câu rằng : « Nhân sinh hữu nhai, nhân dục vô nhai, » quả là rất đúng vậy.

Loài người vì tinh khôn hơn các loài vật, cho nên có nhiều thị hiếu, cũng vì có nhiều thị hiếu, mà loài người càng tinh khôn mãi ; thị hiếu tức là nguyện vọng, nguyện vọng tức là lòng dục, lúc đầu lòng dục là vệ-tốt của người, người đi đến đâu, nó đi theo đằng sau ; dần dần lòng dục chạy lên trước đi làm quân tiên-phong, nó đi đến đâu, người lại phải đi theo sau nó, không những thế, nó lại nổi lên cầm quyền tương sùỵ, mà người phải cúi đầu chấp tay, nhắm mắt đưa chân, để vâng theo mệnh lệnh của nó, đến nỗi dịch chủ vi khách, dịch quân vi thần, mà cơ hồ người cũng hồ-dồ diên-đảo, không hề nhận ra. Lòng dục vốn không phải là lòng tham, song dễ hóa ra lòng tham ; đã có rồi muốn có thêm, đã được rồi muốn được mãi, muốn làm những cái không nên làm, muốn biết những cái không nên biết, lòng dục mở ra đến đâu, loài người đồ số đến đấy.

loài người không những không đủ năng-lực, không đủ toàn quyền để giá-ngự kiểm-chế lòng dục, lại còn bị nó sui dục, đưa đẩy, làm trái cả công-lý, làm mờ mất lương-tâm. Mỗi người có một lòng tham, tham tài, tham sắc, tham danh lợi, tham quyền thế, lòng tham chông chất gom góp lại, thành một thế-giới tham. Loài người đã lấy tham làm chức năng sinh tồn, tất là phải thôn-phệ lẫn nhau, tàn-hại lẫn nhau; loài người tự cho là tinh-khôn, song tinh-khôn ở trong vòng tham dục, đã làm cho phần vật-chất phải vất-vả, lại làm cho phần tinh-thần phải điêu-đứng, cả đời lúc nào cũng hình như có cái lo, cái sợ, cái thua, cái hỏng, quanh-quẩn âm-ảnh ở bên mình, rút cục lại, đối với người là hại người, mà đối với mình, chả có ích gì, than ôi ! tham thì thâm, sao người đã tinh-khôn, lại không nghĩ ra. Sự đáng lo đáng chán cho loài người là làm càn, làm dờ, song làm càn dờ mà tự biết là càn dờ, thì còn có thể chữa được; đến như làm càn làm dờ mà vẫn cho là hay là phải, thì mới thật là đáng lo đáng chán vậy.

Theo như thuyết nhà Phật, cho lòng dục là nguồn gốc của sự mê, đã có lòng dục tất là phải mê, lòng dục chỉ là lòng vọng-hoặc, mà lòng vọng-hoặc sở dĩ sinh ra là bởi những cơ sau này. Trong bộ đại-thặng khởi-tín 大乘起信 cho lòng vọng-hoặc sinh ra là bởi tam-tế-tướng 三細相 và lục-thô-tướng 六粗相, nay ta có thể theo đại nghĩa mà cắt lược ra đây.

Tướng nghĩa là gì? Tướng là một bộ-phận, một thái-trạng hoặc là hữu-hình, hoặc là vô-hình, thuộc riêng về mặt nào, hay là về một thứ gì, mà ta có thể trông ra, nếm ra, suy ra, hiểu ra được. Tế-tướng có ba thứ:

Thứ nhất là nghiệp-tướng 業相. Hết thầy cái gì nầy lên, mở ra, gây nên, dễ làm cái manh-nha cho các sự tạo tác, và mỗi một sự tạo tác lại chịu một cái kết-quả riêng gọi là nghiệp. Lòng người vốn bình-tĩnh, đến lúc vọng-động gọi là nghiệp-tướng.

Thứ nhì là kiến-tướng 見相 hay là chuyển-tướng 轉相, khi lòng đã vọng-động, nghĩ cái gì, ước cái gì, thì cái ấy hình

như hiện-hiện ngay ra ở trong ý-tưởng, thế gọi là kiến-tướng.

Thứ ba là cảnh-tướng 境相 hay là hiện-tướng 現相. Khi đã có kiến-tướng ở trong lòng, thì những cảnh ở ngoài tự-nhiên xúc tiếp với lòng mà hiện-hiện, ví như trong lòng nghĩ đến giàu sang thì có cảnh giàu sang bày ở trước mặt, trong lòng tưởng đến sung-sướng thì có cảnh sung-sướng bày ở trước mặt; ba thứ tướng này đồng thời cùng phát sinh, tuy có trước có sau, nhưng phát sinh một cách rất nhanh chóng, cho nên gọi là tế tướng, tế là vi-tế, khó lòng thề-nhận ra được. Ba thứ tướng này vì lòng vọng-động, lúc mới động thì rất nhỏ rất bé, như một cái tàn lửa tí ti, song nó có thể cháy bùng lên to, bởi thế sau ba thứ tướng này có sáu tướng nữa gọi là thô-tướng, thô nghĩa là to, đối với tế là nhỏ vậy.

Thứ nhất là tri-tướng 智相. Hết thảy cái gì lấy sự cảm-giác và sự đoán-định mà phân biệt ra cho thế này là cảnh thuận, cảnh vừa với lòng mình, cho thế kia là cảnh nghịch, cảnh trái với lòng mình, đối với cảnh thuận thì mình ưa, đối với cảnh nghịch thì mình chán, đều gọi là tri, tri-tướng nổi liền ngay cảnh-tướng, tức là những sự tinh khôn của người, khi đối với cảnh-tướng mà nhận thức ra, phân biệt ra, làm cho lòng người thích hay là chán, miễn hay là ghét vậy.

Thứ nhì là tương-tục tướng 相續相. Tương-tục nghĩa là kế tiếp luôn luôn, như đoạn giấy này đứt thì có đoạn giấy khác nối vào. Khi đã có tri phân biệt và nhận thức đối với cảnh-tướng, thì cái gì ưa thích cứ ưa thích mãi, cái gì chán ghét cứ chán ghét mãi, thế gọi là tương-tục tướng.

Thứ ba là chấp thủ 執取, chấp thủ là giữ chặt lấy, nắm chắc lấy, khi ta đã có tương-tục tướng thì cái gì ưa thích cho là vui, cái gì chán ghét cho là khổ, đã cho là vui thì mê-mẩn ở trong cái vui, đã cho là khổ thì vật lộn ở trong cái khổ, thế gọi là chấp-thủ tướng.

Thứ tư là ký-danh-tự-tướng 記名字相, danh tự là đặt ra tên gọi, đặt ra chữ đề ghi cho nhớ, sau khi đã chấp thủ những cái vui cái khổ, mới đặt ra tên, chữ, đề gọi đề ghi nhớ lấy cái vui cái khổ, làm cho sự chấp thủ càng vững bền thêm, song chấp thủ còn là những sự vọng-hoặc đối với

cảnh-ngộ ở ngoài, đến như ký-danh-tự-tướng, là những vọng-hoặc đối với lý-tướng, có thể sui dục người ta bày mưu tính chước để bước dần vào con đường tạo tác vậy.

Thứ năm là khởi-nghiệp-tướng 起業相, sau ký-danh-tự-tướng thì lòng vọng-hoặc đối với cảnh-tướng rất mạnh, mới bắt đầu vào cuộc hành-vi, tức là gây ra những việc tạo tác, để về sau mỗi một việc tạo tác có một kết-quả riêng, thế gọi là khởi-nghiệp-tướng. Tính từ lúc có nghiệp-tướng (tế-tướng) bước sang thọ-tướng, đến đây thì lòng người mới hiện ra việc làm, thế là cái nghiệp gây thành ra trọn vẹn vậy.

Thứ sáu là nghiệp-hệ-khổ-tướng 業繫苦相. Phạm cái gì đã làm ra thì có kết-quả theo sau, như cái giầy nó quấn không gỡ ra được, ví dụ có của thì bận vì của, có danh thì lụy vì danh, chính là tự mình lại buộc lấy mình, càng buộc càng chặt, thế gọi là nghiệp-hệ-khổ-tướng.

Ba thứ tế-tướng và sáu thứ thọ-tướng vừa nói trên này, tả rõ lòng dục người ta từ lúc vọng-động đến lúc phát ra hành sự, đến lúc gây nên cái khổ-nghiệp và chịu kết-quả của cái khổ-nghiệp, nếu lưu tâm mà nhận kỹ, thật là một lý-học đối với nhân-sinh rất tinh-vi và tường mật.

Loài người vì có lòng dục-vọng mà đi vào đường mê, cho nên tôn-chỉ đạo Phật cốt là đưa người ở trong con đường mê ra con đường tỉnh ngộ, tỉnh ngộ tức là giác vậy.

Mà có giác thì nên theo những phương-pháp gì ?

(Còn nữa)

SỰ-TÍCH ĐỨC THÍCH-CA DIỄN-ẨM

Nhớ xưa đức Thích-ca vẫn Phật,

Vốn ở tầng Đâu-suốt thiên cung ;

Cõi trần mắt lệ đoái trông,

Coi chừng bề khổ mệnh-móng không bờ.

Đức Định-Quang từ xưa thụ-kỳ,

Cho nên ngài quyết chí giáng-sinh ;

Sạ-bà cõi ấy hiện-hình,

Ra tay cứu vớt chúng-sinh đắm chìm.

Vây có nước Ca-si-la-vê,
 Tĩnh-Phạn vương là vị anh-quân ;
 Ma-da đệ-nhất phu-nhân,
 Có bề phúc-hậu, lại phần anh-hoa.
 Mượn cửa ấy thực là xằng đáng,
 Giàng-sinh ngày mồng tám tháng tư ;
 Dưới gốc cây vườn Lam-li,
 Dấu thiếng sử sách còn ghi rành-rành.
 Thủa sơ-sinh, dung-hình tươi tốt,
 Vẻ hào-quang ngọc chuốt, vàng trượng ;
 Ba mươi hai tướng lạ đường,
 Tất đạt-đa mới gọi thường là tên.
 Vừa bẩy ngày nhà huyện thất lộc,
 Di năng niu đến lúc trưởng-thành ;
 Nếp nhà đã sẵn thông-minh,
 Thiên-tài chẳng lọ học-hành mới hay.
 Lên bẩy tuổi tìm thầy dạy dỗ,
 Chẳng bao lâu văn võ toàn-tài ;
 Lầu thông kinh sử trong ngoài,
 Pha nghề toán số, đủ mùi cầm thi
 Mười lăm tuổi đang thi anh-tú,
 Lập lên làm Thái-lử đồng-cung ;
 Vua cha dành để ngôi rồng,
 Phòng khi trăm tuổi nối dòng trị dân.
 Tuổi mười bảy chừng xuân đang độ,
 Kèn cho người bạn lứa trăm năm ;
 Dây loan hòa-hiệp sắt cầm,
 Vườn xuân sớm đã này mầm quế lan.
 Phú quý đã nhân gian cực-phẩm,
 Lại vui vầy chốn ẩm chiểu êm ;
 Song le thiên-linh trăm-liêm,
 Chẳng dám lợi-dục, chẳng thèm vinh-hoa.
 Ngày nhân-hạ theo cha đạo cảnh,
 Tĩnh-nông-dã: nghĩ chạnh lòng thương ;
 Cày bừa một nắng hai sương,
 Sớm khuya dầu-dãi, trăm đường gian-tân.
 Bị đánh đập kìa thân vật-loại,
 Lại cơ-hàn mọi nỗi dan-nan ;

Chim muông, sâu bọ tương-tàn,
 Trần-gian khỗ-kiếp muôn vàn thương-tám.
 Ngồi gốc cây trầm-ngám tư-lự,
 Rấp tìm phương cứu-độ cho đời.
 Trong lòng từ đây chẳng vui,
 Thương chúng-sinh những ngậm-ngùi khôn khuây.
 Niềm tu-đạo càng ngày càng quyết,
 Lòng phụ-vương khôn xiết buồn rầu ;
 Đêm ngày luống những lo âu,
 Đặt ra mọi cách để hầu cấm ngăn.
 Kén năm trăm cung-tần mi-nữ,
 Lại bày trò ca-vũ mua vui ;
 Cho người mắng sự ăn chơi
 Nhãng bề đạo-đức mà người nổi lòng.
 Ngờ đâu chỉ Đông-cung đã quyết,
 Lòng xuất-gia không chút biến đời ;
 Mặc ai hát múa vui cười,
 Nổi riêng, riêng những đứng ngồi không yên.
 Nhân đạo gót chơi miền lâm-lộc,
 Cảnh thôn-trang xúc mục thương-hoài ;
 Ốm đau, chết chóc bời-bời,
 Ngán thay cho cái kiếp người long-đong.
 Bước ngại bước, nghĩ không dừng nghĩ,
 Chợt gặp thầy đạo-sĩ du-phương ;
 Cùng nhau ngã nón bên đường.
 Truyện trò như gửi can-trường từ khi.
 Thầy rằng : « những bậc đi tu đạo,
 « Dứt mọi điều phiền-não vô-thường ;
 « Tắm thân giải-thoát nhẹ-nhàng,
 « Không còn sinh-l tử tư-vương luân-hồi ».
 Nghe thầy giảng mấy lời đạo-lý,
 Lòng Đông-cung vui-vẻ vô-ngần ;
 Tạ thầy giờ gót dời chân,
 Lòng tu đã quyết, niệm trần không vương.
 Bèn nhân lúc đêm trường canh vợi,
 Quyết bỏ nhà chẳng đoái vợ con ;
 Búi-ngùi ra cửa Bắc-môn,
 Thề : không chừng đạo chẳng còn qua đây.

Cùng Xa-nặc ló thày rảo bước,
 Gần Tuyết-sơn qua nước La-ma ;
 Cắt râu tóc, mặc cà-sa,
 Đoạn, cho Xa-nặc về nhà báo tin.
 Vua được tin, bụng liền nghi-ngợi,
 Biết lòng con khôn nổi giận ngài ;
 Bèn sai bọn Kiêu-trần-như,
 Theo đi hầu-hạ sớm trưa tu-hành.
 Vườn khồ-hạnh lại thành Vương-xá,
 Công tìm thày kể đã lắm phen ;
 Mong cầu cho thấu đạo huyền,
 Gót chân đạo khắp mọi miền danh-san.
 Món ngoại-đạo tìm tham đã khắp,
 Ủng công-trình chẳng gặp thày hay ;
 Chỉ bằng tu lấy thân này,
 Có công mài thép có ngày nên kim.
 Cùng đồ-đệ thắm tìm lạc-thú,
 Đất Ưu-Lâu là chỗ thanh-u ;
 Gia công suy nghĩ đạo mầu,
 Niết-bàn giải-thoát ở đâu nơi này.
 Kết chiếu cổ đêm ngày tinh tọa,
 Sáu năm giới rông rã chẳng ngại ;
 Chìm đậu trán, cổ xuyên ùi,
 Hột vừng, hột gạo cầm hơi tháng ngày.
 Thân chẳng quản hình gầy mặt võ,
 Đạo chưa thành lướng khồ công-phu ;
 Một mình suy nghĩ dẫn-đo,
 Xác trần kém sức đường tu khó lòng.
 Vùng đứng dậy xuống sông tắm mát,
 Lại gặp người dâng bát sữa tươi ;
 Lóng thành khôn nhẽ chối người,
 Ăn rồi mát mẽ thành-thoi lạ-lùng.
 Bọn Trần-như nóng lòng nghi cun,
 Vội tưởng thày đã nản công-phu ;
 Cùng nhau tìm chốn thanh-lu,
 Đang tâm dứt nghĩa thày trò một khi.
 Xa đồ-đệ chẳng hề nản chí,
 Núi Tượng-đầu vắng-vẻ rừng xanh ;

Lặng ngồi suy nghĩ một mình,
 Thế không chứng đạo quyết tình không đi.
 Bốn tám ngày huyền-ky khoát-ngộ,
 Lúc thanh-tiểu vừa tỏ sao mai;
 Hào-quang sáng rực phương giới,
 Bao nhiêu ma-chương tức thời tránh xa.
 Soi thấu khắp hà-sa thế-giới,
 Dứt sạch không mọi nỗi mê lầm;
 Bờ-đề ngộ được chân-lâm,
 Tinh năm thân Phật băm-nhăm tuổi tròn.
 Đạo diệt-khổ đây môn tứ-đế,
 Lại phát-minh thập-nhị nhân duyên;
 Trăm đường tức-trải tiền-khiên,
 Luân-hồi nhân-quả chiền-chiền không sai.
 Đường bát chính đưa người lạc-phách,
 Xe ngũ thừa đón khách chân-tu;
 Vô-minh phá sạch mây mù,
 Vớt người bề khổ, qua đó bến mê.
 Đạo đã chứng Bờ-đề vô-thượng,
 Lòng đoái thương vô lượng chúng-sinh;
 Nổi chìm biển nghiệp mông-mênh,
 Niết-bàn vui thú một mình sao đang?
 Phật mới nghĩ tình đường hóa-độ,
 Lòng chẳng quên lời lữ Trần như;
 Tán căn đã lắm công-phu.
 Đường tu luống những mịt-mù nên thương.
 Thương bọn ấy lòng đơng mê-mẩn,
 Phật nhân-tiền mà vẫn không hay;
 Cùng nhau bàn bạc mớng đây,
 Kính-thượng còn tưởng như ngày xưa kia.
 Kịp khi thấy dung-nghi Phật-lượng,
 Rực hào-quang đổi sáng thay hình;
 Cùng nhau thất sắc cả kinh,
 Khẩu đầu thụ giáo, chi-thành qui y.
 Đem chính-pháp khắp đi truyền-bá,
 Đạo từ-bi giáo-hóa cho đời;
 Từ đây công-đức Như-Lai,
 Lưu-truyền tam-bảo nơi nơi phụng-hành.

Đường tu-tập đã thành chính giáo,
Nổi quan-hoài đỡ bước quē-hương ;
Một nhời lâu lại Phụ-vương,
Niềm tu, đạo hiểu, hai đường vẹn hai.
Dặn vợ hiền lấy nhời đạo lý,
Dạ quần-thoa mà nghĩ sâu xa ;
Cúi đầu ôm gót liền hoa,
Nghe nhời cảm-kích, lệ hòa chan-chan.
Tình phụ-lữ bán-hoàn man-mác,
Đất con hiền đạo bước ngoài thành ;
Đề-huê trong chốn rừng xanh,
Mấy nhời đạo đức đình-ninh ghi lòng.
Tình gia-tộc thoảng không đề dạ,
Dấu hạc mây thoát đã băng ngàn ;
Hằng-hà một giải Bắc Nam,
Đốn phương đất chiếu giới mãn thênh-thênh.
Khi Lộc-uyên đàm-kinh thuyết-pháp,
Lúc Kỳ-viên duy-tập môn-dồ ;
Khấp hòa thôn-dã, thành-dô
Vương-công mến đức, dân-ngu đẹp lòng.
Xe chính-pháp tây đông vẫn chuyển,
Tám mươi năm mãn-nguyên nhân-hoàn ;
Một ngày trên hội Linh-san,
Trao truyền tâm-pháp niết-bàn tìm vui.
Gương đạo pháp đời đời ghi-đề,
Dấu hoa đàm Đuốc tuệ còn đây ;
Thần-thông biến-hóa ai hay
Chỉ-thành Phật ở tâm này không xa.

Thái-bình

Bồi-nguyên, BÙI-ĐỨC-TRIỆU

Kính soạn



Bài giảng 'o' chùa Sơn-thuy Ninh-bình

Ta thường nghe nói « Phật tức tâm, tâm tức Phật », nhưng nếu không nghiên-cứu đạo Phật, không suy xét giáo-lý, thì hiểu được nghĩa chữ tâm không phải là dễ. Vậy trong cuộc hầu truyện các ngài hôm nay tôi xin nói về chữ « tâm » trong Phật-học.



Kinh Lăng-nghiêm có câu : « nhất thiết chúng-sinh, tòng vô thủy lai, sinh tử tương tục, giai do bất tri thường trụ chân tâm, tính tịnh minh thể, dụng chư vọng tưởng, thử tưởng bất chân, cố hữu luân chuyển » 一切衆生。從無始來。生死相續。皆由不知。常住真心。性淨明體。用諸妄想。此想不真。故有輪轉。

Nghĩa là « hết thảy chúng-sinh từ vô thủy đến giờ, sống chết nối liền, đều bởi không biết cái thể tính trong sạch, của cái thường trụ chân tâm, mà cứ theo vọng-tưởng, vì vọng-tưởng không phải là chân thật, cho nên mới có luân hồi ». Vậy muốn thoát khỏi luân hồi, vượt qua bể khổ, cần phải biết cái chân tâm, mà Phật pháp thiên kinh vạn quyển cũng chỉ chuyên dạy người ta tự biết cái chân tâm mà thôi.

Thường trụ chân tâm là gì ?

— Chân tâm không phải là chỉ thất tình, như giận, ưa thương, ghét, mừng, vui, buồn và cũng không phải là tư-tưởng, là suy nghĩ đầu. Bảo tâm là thất tình, thì nay giận mai ưa, nay yêu, mai ghét, sao gọi là thường trụ được. Bảo tâm là tư-tưởng, suy nghĩ thì tư-tưởng suy-nghĩ có lúc thế này thế khác thay đổi luôn luôn, sao gọi là thường-trụ được. Đó cũng là tâm, nhưng cái tâm không trong-sạch, sáng suốt, là cái vọng tâm, cái tâm của chúng-sinh, chứ có phải là thường trụ chân tâm đâu.

Chữ tâm đây, tiếng Phạn là « citta », theo nghĩa Phật là một thể bản-nhiên trong-sạch, sáng-suốt tức là « tính tịnh minh thể » 性淨明體, không bao giờ đổi rời (tức là « thường trụ » 常住), không có sự giả dối (tức là « chân 眞). Tâm không sinh, không diệt, không có xưa nay, không có nhơn-nhỏ, không có nhân, không có ngã, không có hư không, mà cũng không có hình tướng. Phật cũng ở tâm, chúng-sinh cũng ở tâm, tam giới, thập phương, nhất thiết đều ở tâm mà ra cả.

Non sông, đất nước, cùng là muôn vật ở thế-giới này, từ Thái-cực đến nay, lớp cũ lớp mới kế-tiếp nhau, biết bao nhiêu là hình trạng, tuy bề dẫu biến đổi, nhưng dù biến đổi đến đâu, cũng vẫn ở trên một thế-giới.

Người ta cũng vậy, dầu làm thánh, làm phàm, dầu làm ngu, làm trí, dầu làm Phật, làm chúng-sinh, mỗi mỗi khác nhau, nhưng cũng đều ở tâm cả. Đất nước non sông nương theo thế-giới mà có, địa-ngục, niết-bán nương theo tâm mà sinh. Đạo Phật cho rằng người ta tuy có sinh, có tử nhưng thân dầu chết mà tâm vẫn còn, tâm lần quất trong cõi vô-minh, rồi theo nghiệp mà luân hồi trong sáu ngã (六道) trời, người, tu-la, súc-sinh, ngã-quỷ, địa-ngục.

Thế thì cùng một tâm, mà từ vô-thủy đến nay, đã trải biết bao nhiêu thân, biết bao nhiêu kiếp, sinh rồi tử, tử rồi sinh, bao phen hưởng phúc trên các cõi trời, bao phen chịu khổ ở ba đường địa-ngục, tuy gây nhân nào thời chịu quả ấy, song nhân quả luân hồi, mà cái tâm của ta ngày nay vẫn là cái tâm của ta trăm nghìn kiếp trước.

Tâm không sinh, không diệt như thế nên gọi là tâm thường trụ (còn mãi). Tâm bao-quát cả vũ-trụ (không đản, thời đản) cả pháp-giới, cả tam-thế Phật (là Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai), tất cả chúng-sinh, nam, bắc, đông, tây, tất cả thế-giới số nhiều như cát sông Hằng, hết thảy đều không ra ngoài phạm-vi cái tâm được. Phạm-vi cái tâm rộng lớn như thế nên kinh Hoa-Nghiêm có câu : « biến quan pháp giới nhất thiết duy tâm tạo ».

徧觀法界性一切唯心造

Nghĩa là tất cả pháp-giới đều bởi tâm tạo thành.

Đeo nhõn-kính xanh thì thấy gì cũng xanh, đeo nhõn-kính vàng thì thấy gì cũng vàng, xanh vàng phân biệt, nhưng không phải ở cảnh, mà chính ở mình. Cùng một cảnh gió mưa, mà uổng ruyện đàm tâm thì hứng thú biết bao ! Mà kẻ khách một đường xa, thì gió lạnh, mưa phùn lại xem ra buồn-hã. Cảnh vật như nhau, mà vui buồn khác hẳn. Vui buồn không phải ở cảnh vật mà chính tự tâm.

Xưa có hai nhà sư thấy phước động gió bay ; một ông nói : « Phước động ». Một ông nói : « Gió động ». Hai ông cãi lý mãi với nhau. Sư-cụ mới gọi hai ông lại mà bắc rặng : « Không phải phước động đâu ! cũng không phải gió động đâu ! chỉ là tâm các ông nó động đó thôi. » Nhời nói của Sư-cụ, thật đủ chứng minh câu « Tam giới duy-tâm » 三界惟心, nghĩa là mọi thế-giới đều bởi tâm-giới tạo ra.

Tâm không phải Phật có mà chúng-sinh không, nhưng chúng-sinh vì mê-muội, nên bị sáu căn (六根) nó sai khiến, (sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý mình), mắt thì chỉ ưa sắc đẹp, tai thì chỉ ưa tiếng hay, mũi thì chỉ ưa mùi thơm-tho, lưỡi thì chỉ ưa mùi ngon-ngọt, mình chỉ ưa quần áo tốt lành, ý chỉ nghĩ danh-lợi ái-ân.

Nên sinh ra có ba cái độc (三毒) : tham, sân, sy ; (tham là tham-lam, sân là hận-dữ, sy là sy-mê. Ưa thì muốn cho kỳ được ; đã được lại muốn gấp năm, gấp mười ; ưa, muốn mà không được thì sinh nổi bất-bình, đâm ra hờn, ra giận, ra tức, ra buồn, ra tủi.

Chúng-sinh nhận lầm cái vọng-tướng ấy là tâm, nhất nhất chỉ theo vọng-tướng, nên mới phân biệt có người có ta. Cái chân-tâm kia phút chốc đã biến thành tạng-thức.

Tạng-thức là gì ?

— Tạng là kho. Thức là tính biết. Chúng ta có suy-nghĩ, có kiến-vấn những điều suy nghĩ kiến-vấn ấy đều chứa chất ở trong tính biết của ta. Ta thử nhắm mắt mà nghĩ trời lớn là bao, thì liền thấy một vùng xanh xanh lộng-lẫy ; ta thử nghĩ biển rộng là bao, thì liền thấy một làn

nước biển bao-la. Vùng xanh xanh, làn nước biển ở đâu mà ra ? Ở tạng-thức ta đó.

Tạng là kho, chứa vàng thì được vàng, chứa thóc thì được thóc. Tạng-thức cũng vậy, chứa vui thì được vui, chứa buồn thì được buồn, chứa lạnh, thì lạnh, chứa dữ thì dữ, gây nhân chủng-sinh lại chịu quả chủng-sinh, tùy theo nhân-quả mà luân-chuyển trong vòng nghiệp-báo. Tạng-thức chủng-sinh chất chứa những gì ?

Chủng-sinh đầy một lòng dục-ái, nên cái thân dầu thác mà cái tâm mờ-ám vẫn còn mẩn tiếc cái cõi sa-hà (sa-hà) cái đời ngũ trọc, không sao ra thoát được vô-minh, vậy cho nên sinh rồi tử, tử rồi sinh, trôi dạt ở bến mê, nổi chìm trong bể khổ.

Phật vì giác-ngộ nên tạng-thức lại biến thành tâm. Tại sao mà tạng-thức biến thành tâm ?

— Vì Phật cho rằng : ở trong vũ-trụ cái chi cũng vô thường (無常) cả (nghĩa là không bền). Sông có sâu có cạn, đất có lở, có bồi, thương-hải, tang điền kẻ sao cho kiệt, cho đến cái thân ta, quan-hệ nhất-thiết với ta, mà cũng vô-thường, năm ngoái đã khác năm nay, hôm sau không như hôm trước, trong một hơi thở, một nháy mắt mà cái thân này đã thay đổi rồi, thay đổi mãi mãi thời cái thân nào chắc là thân của ta được. Không chắc có, thì có mà cũng vẫn là không.

Phật lại cho rằng sự sự vật vật ở đời này lại bất đồng (不同) nữa, (nghĩa là không giống nhau). Một tổ ong, người thì bảo là nhỏ, song đối với đàn ong thời lại là to ; một giọt nước, người thì bảo rằng ít, song đối với vi-trùng thời lại là bề khơi (điều đó trong bài hai cái tối-cực (Les deux infinis), Pascal tiên-sinh đã nói rõ. Người ở dưới nước thời chết ngạt, mà cá tôm ở dưới nước thời bơi-lặn vẫy-vàng, cùng là nước cả, mà loài người, loài cá thụ dụng khác nhau ; chẳng những khác loài mới thể, ngay trong một loài người khi nhỏ khi nhớn, khi vui khi buồn, cảnh-vật cũng theo mỗi lúc ấy mà ứng-hiện khác nhau. Mỗi loài thấy mỗi khác nhau, mỗi người tùy theo tâm-sự mà thay đổi mỗi khác,

thời sự vật vật có chi là chắc-chắn mà gọi là thật có . . . không thật có, thời có mà cũng vẫn là không.

Bát-nhã tâm kinh có câu : « Ngũ uẩn giai không (五 蕴 皆 空) nghĩa là năm uẩn đều là hư-không cả » năm uẩn là gì ?

1) *Sắc-uẩn* (色 蕴) là những điều ta có thể nhận biết được vì ngũ-quan và ý ta, tức là các món có hình có tướng, biểu sắc) cùng các món vô hình vô tướng (vô biểu sắc).

2) *Thụ-uẩn* (受 蕴) là những điều cảm-súc : mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc-động và ý nhận biết.

3) *Tưởng-uẩn* (想 蕴) là những tư-tưởng vì cảm-súc mà sinh ra.

4) *Hành-uẩn* (行 蕴) là những sự tâm-trí minú theo tư-tưởng mà tạo-tác nên.

5) *Thức-uẩn* (識 蕴) là tính biết ngoại cảnh.

Ta đã nhận biết ngoại-cảnh thì sinh ra cảm-súc, cảm-súc thì ra tư-tưởng, tư-tưởng thì trong tâm-trí hành-động, tâm-trí có hành-động thì mình mới phân-biệt ngoại cảnh. Tại sao năm uẩn đều là hư-không cả ?

Như trên đã nói, muôn vật ở thế-gian này đều không cả nơi biết cảm-súc gì ! Không cảm-súc thì tư-tưởng gì ! Không cảm-súc, không tư-tưởng thì tâm-trí cũng không hành-động, và thức-uẩn cũng lấy gì làm phân-biệt. Nên đức Quan-thế-âm gi dạy người ta hãy biết được lẽ chân-không thời năm uẩn đều không là thế.

Chúng-sinh vì mê, không chứng được lẽ chân-không, sự vật vật đều cho là thật có cả, nên mờ-ám cả chân-tâm.

Phật vị giác ngộ, chứng được lẽ chân-không, nên chân-tâm vẫn là chân-tâm. Không biết lẽ chân-không là đắm đuối ở trong bề khổ. Biết được lẽ chân-không, là khỏi vòng năm uẩn, là tự-tại, giải-thoát. Bấy giờ tự hiện ra cái tâm trong-sạch, sáng-suốt, là cái thường-trụ chân-tâm vậy.

Có cái thường-trụ chân-tâm, nên mới gọi là : « Phật tức tâm, tâm tức Phật ».

ĐỒ-ĐỨC-LONG, giáo-học Ninh-bình.

BÀI PHÚ « PHẬT - HỌC »

Niệm chín phương giới, niệm mười phương Phật,
Bác-ái từ-bi, tế nhân lợi vật.

Phật Di-Đà nghe niệm mười lần danh-hiệu, đưa sang
[lực lạc đề yên vui.

Phật Thích-ca nói rõ mười hai nhân-duyên, khuyên
[nhữ chúng-sinh đũa dứt dứt.

Phật Quan-Âm còn xuất nhập chốn Nát-Bàn.

Phật Di-Lạc hiện giáo-chủ cung Đâu-Xuất.

Các chùa cổ, mười lăm La-Hán học hạnh cực tròn.

Trong nước ta, ba lỗ Trúc-Lâm lưu truyền không mất.

Đạo của các Ngái, theo con đường thật; lời dạy nghìn
[vàng, làm lành trước nhất,

Mây từ mưa pháp, sa một giọt đã tốt tưới.

Bề khô bến mê, trở sáu đò mà cứu vớt,

Muốn thế-giới đều Thánh, Thần, Tiên, Phật, không
[đâu là Địa ngục súc-sinh.

Mong chúng-sinh đều phú, quý, thọ, Khang, chẳng ai
[phải cơ-hàn bệnh tật.

Phật bốn tám nguyện, một cành dương liễu vậy vung,

Tu ba sáu đờng, chín phần liền hoa cao ngất.

Đạo-lý tuyệt vời màu nhiệm, sáng tỏ xưa nay.

Công duyên rất mực vô lường, so tầy giới đất.

Thuộc lấy làm lòng, in sâu vào óc. Năm tháng dài
[mãi, ngày đêm tụng đọc.

Tỏ đến chốn sáu-xa,

Tim tới nơi nguồn gốc.

Niệm bách thiên-biến : Nam-Mô A-Di-Đà,

Chứng Đại-bồ-Đề : Tam-Muội-A-la-Nỗc.

Tu như thế mới là tu,

Học như thế mới là học.

Bây mấy lời thô sơ,

Khuyến hết thầy tăng tục.

Trà-tung, ĐÀO-ĐÌNH 1-PHÚ

PHẬT-HỌC TỪ-ĐIỂN TẬP-YÊU (1)

佛學辭典輯要

A

A 阿 (a).— Một vần trong 12 vần cái, một chữ trong 50 chữ cái, tiếng Phạm Ấn-độ nghĩa là không, vô 無, bất 不, cực 極.

A-do-da 阿由多 (ayuta).— Tên số, một triệu (1.000.000).

A-hàm 阿含 agama).— Tên gọi tóm các kinh Tiểu-thặng. Nghĩa là một đạo-pháp không gì hay lằng, có nhiều dịch âm như *a-cấp-ma* 阿笈摩, *a-kiềm* 阿鈴, *a-hàm-mộ* 阿含暮.

A-na-hàm 阿那含 (anagamin).— Tên một ngôi trong bốn ngôi thành của Tiểu-thặng. Nghĩa là đã đoạn-tuyệt hết phiền-não ở cõi dục-giới mà không sinh trở lại cõi ấy nữa. Tu Tiểu-thặng mà chứng tới quả này gọi là A-na-hàm quả.

A-li-sa 阿利沙 (arsa) đấng cổ thánh-chủ, có công-dức lớn (Phật)

A-ti-đạt-ma 阿提達磨 (abhidharma).— Phép lớn, trí-tuệ chân-thực, là so sánh sự lý để phát ra trí-tuệ chân-thực tức là luận, cũng dịch là *a-ti-đàm* 阿提曇.

A-đà-na 阿陀那 (adama).— Tên một thần-thức thứ tám trong tám thần thức, cũng dịch âm như : *a-lê-gia* 阿賴耶, *a-lai-gia* 阿賴耶.

A-tu-la 阿修羅 (asura).— Tên một loài chúng-sinh hay là một loài quỷ-thần trong lục-đạo 六道. Nghĩa là phi-thiên 非天 (không phải là Trời), thuộc về bát-bộ chúng 八部衆, cũng dịch là *a-lố-lạc* 阿素洛, hay gọi tắt là Tu-la. Thế-giới của A-tu-la ở dưới gầm bề mé bắc núi Tu-di, cũng thiêng-liêng, sung-sướng sang-giàu như Chư-thiên mà kém đoạn chính, giai thì xấu mà có nhiều gái đẹp, lại không có đồ ăn ngon. Thế mà

(1) Theo ý kiến nhiều độc-giả, chúng tôi đổi mục Phật học danh-từ ra làm mục này để sau dễ xửa thành sách Phật-học từ điển.

Chư-thiên thì có nhiều đồ ăn ngon mà không có gái đẹp. Vì vậy vua A-tu-la với Đế-thích ở cõi trời Dao-ly thường ghen ghét nhau mà khởi chiến-tranh với nhau. Chỗ chiến-tràng ấy gọi là A-tu-la-tràng ○ 修羅場.

A-bàng 阿傍, (Tiếng phạm).— Tên quỷ canh địa ngục, đầu trâu tay người, chân có móng trâu, tay cầm vòng sắt, sức khỏe phá đồ đờng núi.

A-siễn ○ 闍 (aksobhya).— Hiệu một vị Phật ở đông-phương, nghĩa là bất động 不動, không dạn-giữ. Mật-giáo nói Ngài cũng hiện thân ra làm tướng Kim-cương.

A-tăng-kỳ ○ 僧祇 (asamkhyā).— Nhiều vô số, cực số, cũng dịch là a-tăng-kỳ-gia ○ 僧企耶 và định số là mỗi một nghìn vạn vạn vạn vạn vạn vạn triệu gọi là một A-tăng-kỳ.

A-ti ○ 鼻 (Avici).— Tên một địa ngục trong tám đại địa-ngục. A-ti là vô gián-đoạn, tức là bị khổ không lúc nào gián-đoạn.

A-nậu-đa-la-Tam-diệu-Tam-bồ-đề ○ 耨多羅三藐三菩提 (Anuttar-Samyak-sambodhi).— A là vô 無, nậu-đa-la là thượng 上, tam là chính 正, diệu là đẳng 等 bồ-đề là giác 覺, nghĩa là một đạo chính-giác không còn bậc nào hơn.

A-di-đà ○ 彌陀 (Amita).— Hiệu đức Phật ở thế-giới cực-lạc tây-phương do đức Thích-ca thuyết pháp nói ra. A là vô, di-đà là lượng, nghĩa là vị Phật thọ vô-lượng 無量壽, sáng vô lượng 無量光.

A-xà-lê ○ 闍梨 (Acarya).— Giáo-thụ, làm qui-phạm, thầy giáo, cũng dịch âm là a-kỳ-ly ○ 祇利, a-già-lị-gia ○ 遮利夜.

A-thấp-ba ○ 濕波 (Asvin).— Tên một vị thần.

A-la-hán ○ 羅漢 (Arhan).— Tên ngôi Thánh thứ nhất trong bốn ngôi Thánh Tiểu-thừa, nghĩa là giết hết giặc phiền não.

Lại một thuyết nói một ngôi mà có ba nghĩa :

A-la-ha ○ 羅訶 (Arihan) nghĩa là cung ứng 供應.

A-lư-hán ○ 盧漢 (Arihan) nghĩa là cầm giặc và A-la-hán. Nghĩa là vô-sinh.

A-la-mật 阿羅密 (Harmita). — Xa lia tức là sang cõi
bên kia.

A-lan-nhã 蘭若, — Tên gọi tóm các tự-viện của
các Tĩ-khâu cư-trụ, nghĩa là chốn vắng vẻ cách-
xa làng 500 cung, cũng dịch âm là *A-lan-na* 蘭那,
A-lan-nhương 蘭攘, *A-lan-nhã già* 蘭若迦, v. v.

Ả

Ả-tử đắc mộng 啞子得夢. — Đứa câm nằm thấy chiêm-
bao mà không nói ra được, ví với sự hiểu đạo một
cách tâm-đắc tự-nhiên không thể nói ra được.

Ả-dương 啞羊, — con dê câm, ví người ngu.

Ả-dương-tăng 啞羊僧. = Tĩ-khâu nào ngu-si không
biết gì là thiện ác và phạm lỗi không biết tự sám hối.

Ả-pháp 啞法, — Cách tu không nói năng gì như đứa câm
điếc. Tiều thừa cấm lối tu ấy mà Đại-thừa thì không.

Ác

Ác 惡. — 1^o ác (Ah), tiếng phạm, một vần trong 12 vần cái,
một chữ cái trong 50 chữ cái tiếng phạm Ấn-độ. — 2^o
Ác 惡, tiếng hán-tự, việc làm quai-lý, việc trái với điều
thiện.

Ác-thoa 惡叉. — Tên một giống cây, quả giống quả một-
thạch-tử, mỗi trùn ba quả, khi rụng hay tụ vào từng
chỗ. Đạo Phật lấy cách ấy ví với chúng-nghiệp ba đời
can-liên mà gọi là ác-thoa-tụ 惡叉聚.

Ác-danh-úy 惡名畏. — Sợ mang tiếng ác. Một sự sợ trong
năm điều bố úy.

Ác-kiến-xứ 惡見處. — Tên-một địa-ngục trong 16 *Biệt-xứ*
địa-ngục 別處地獄, nghĩa là chỗ được thấy sự ác
của mình làm.

VIỆC THẾ - GIỚI

— Quân Ý đang chinh phục miền Nam nước Á và đuổi theo đại-quân của phiến-vương Á Desta. Tại mặt Erythrée, phiến vương Á Seyvum đã ra đầu hàng với Ý. Có tin rằng từ hôm 12 đến 22 Janvier, có cả thảy 11.000 quân Á vừa bị giết vừa bị thương.

— Ở Tàu, vì có cái phong-trào học-sinh biểu tình bài Nhật, Tưởng-giới-Thạch có triệu tập các hiệu-trưởng và các đại-biểu học-sinh các trường đại-học, trung-học các tỉnh đến họp cả ở Nam-kinh để nói rõ cho biết cái chính-sách đối Nhật. Tưởng nói đối với Nhật cần phải trấn tĩnh để ủng hộ, các việc hành động về ngoại-giao cũng cần phải giữ bí mật. Hiện công cuộc dự bị về quân-sự ngày nay đã thành thực có thể tuyên chiến được với Nhật rồi. Toàn thể học-sinh đều hoan hô rồi ở đâu về đấy lại học như thường Phong-trào biểu tình ở các nơi tạm yên.

— Quân cộng-sản Tàu độ này lại hoạt-động dữ. 30.000 quân cộng-sản ở Hồ-nam kéo tới chiếm được tỉnh thành Qui-châu.

— Ở Pháp có cuộc thay đổi về chính trị. Vì các ông lộng-trưởng về đảng cấp-tiến-xã-hội đều xin thôi không cộng tác với ông Laval nữa, ông Laval cũng quyết cùng cả nội-các lui về. Ông Sarraut (Toàn-quyền Đông-dương trước) đứng lập nội-các mới, dàn-hóa cả các đảng nhưng có ý thiên về bên tả hơn. Trong khóa nghị-viện này, đến nội-các mới bây giờ là nội-các thứ 11 rồi vậy.

VIỆC TRONG NƯỚC

— Cuộc xổ số Đông-dương lần thứ 2 đã mở tại Sài-gòn hôm 28 Janvier. Số đầu là 591776 về một viên thư-ký nhà băng ở Sài-gòn được. Số thứ nhì trúng 30.000\$ cũng bán tại Châu-dốc (Nam-kỳ); cả số thứ ba trúng 15.000\$ cũng bán tại Sài-gòn nốt. Người Bắc-kỳ chỉ mua được 3 số trúng 5.000\$, 2 số ở Hà-nội và 1 số ở Hải-dương.

— Đến ngày 28 tháng giêng này, ở Huế sẽ làm lễ khánh hạ hoàng-tử Bảo-long đản sinh. Nhân việc vui mừng này, hoàng-thượng và hoàng-hậu có ban cấp khoản tiền 3500 \$ cho các nhà dưỡng sản, các nhà dục anh và các nhà bảo cô ở Trung-kỳ.

Chi-hội Phật-giáo Hải-dương

Đúng 7 giờ tối hôm rằm tháng giêng ta này (7-2-36) ông Đạo-sĩ Trần-Rình hiệu Ngô-chân-tử ở chùa Côn-sơn sẽ lên pháp-đàn diễn-thuyết, vậy đúng ngày giờ ấy xin mời các hội-viên giáo-hữu đến dự thỉnh cho đông.

Ban trị-sự kính mời

Chi-hội Phật-giáo Phù-sa thành-lập

A-di đà-phật,

Kính bạch thập phương chư đại đức tăng ny, và các hội-viên cùng thiện-nam tín-nữ, chi hội Phật-giáo ở Phù-sa phủ Khoái-châu tỉnh Hưng-yên đến ngày 16, 17, 18 tháng giêng năm Bình-tí (1936) làm lễ khánh thành, vậy trong mấy ngày ấy kính mời các giáo-hữu bớt chút thì giờ đến chùa Phù-sa lễ Phật để chúng tôi được thừa tiếp, thì chúng tôi cảm tạ vô cùng.

Nay kính mời

Ban trị-sự, chi hội Phật-giáo Phù-sa

Trương trình như sau này :

Ngày 16 mười giờ sáng xã sở-tại làm lễ rước nước ở bến cửa sông về hội-quán, 4 giờ chiều chư tăng lên cúng Phật, 7 giờ tối ban đồng-nam lên khóa lễ.

Ngày 17 tám giờ sáng đến đón cụ tổ chùa Thiên-đế ở Sài-thị lên chùa Đại-quan làm lễ thỉnh kinh về hội-quán, 5 giờ chiều chư tăng lên tuần đại cúng, 7 giờ tối lên dẫn đàn lục cúng.

Ngày 18 mười giờ sáng đón các quan hội-viên trung-trương, 5 giờ chiều ban đồng-nam lên khóa lễ, 7 giờ tối các đàn-tín làm lễ quy Phật.

Chi hội Phật-giáo Sơn-tây

Về việc cất đám bà cụ vĩnh-viễn hội-viên Nguyễn-thị-Lưỡng 57 tuổi, hiệu Từ-nhã ở phố Hậu-ninh ngày 29 Décembre 1935.

Và việc cất đám bà cụ chủ-trị hội-viên Nguyễn-thị-Hàng hiệu Diệu-ký ở phố Hậu-ninh số 24 ngày 4 Janvier 1936.

Ban hộ-niệm, ban quản-trị, ban đạo-sư đều đi tiếp dẫn vong đến phần-mộ địa phận thành-phố, có đủ cả nghi-lễ: Càng-phan, bảo-cái, tuyết-mao vân vân, ông-chánh thư-ký ban quản-trị thay mặt hội đọc bài diếu-văn, ban đạo-sư đọc bài vãng-sinh, và tụng niệm trước phần mộ, rồi rước linh-vị về hội-quán, sau khi làm lễ yên-vị rồi giải tán.

IMP. ĐỐC-TUỆ

Quản-lý: CUNG-ĐÌNH-BÌNH